TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 19-01-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Phan Hữu Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Phan Văn Kh, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp CT, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Kh là bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp CT, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Đinh Công A – Văn phòng luật sư TA thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An, có mặt tại phiên tòa.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp CT, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, ông T có mặt tại phiên tòa, bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp CT, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, có mặt tại phiên tòa.

2.Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

-*Người làm chứng:* Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/9/2012 (al) ông T có vay của ông Kh số tiền 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4%/tháng, hẹn đến đông xuân 2013 sẽ trả, hai bên có làm biên nhận do người em gái của vợ ông Kh viết giùm, có ông T ký tên vào biên nhận. Khi vay ông T có thế chấp cho ông Kh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), một giấy đứng tên ông Nguyễn Văn T1 (em ông T), một giấy đứng tên ông T, mục đích ông T vay tiền của Kh về làm gì ông Kh không biết. Ông T có trả lãi cho ông Kh từ ngày 09/10/2012 đến ngày 09/3/2013 là 06 tháng lãi với số tiền bao nhiêu thì ông Kh không nhớ, việc trả lãi thì vợ ông Kh là bà Ph nhận tiền. Từ ngày 09/3/2013 cho đến nay ông T không trả lãi và tiền gốc cho ông Kh. Ông Kh cho rằng số tiền cho ông T vay là tài sản chung của vợ chồng ông. Mặc dù lúc vay tiền không có vợ ông T đi cùng và không ký tên vào biên nhận nhưng thời điểm ông T vay tiền là ông T có làm ruộng nên ông Kh cho rằng ông T vay tiền của ông về để vợ chồng làm ruộng.

Do đó, ông Kh yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu Tr phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 100.000.000 đồng tiền gốc và 91.850.000 đồng tiền lãi (lãi tính 1,67%/tháng tính lãi từ ngày 09/3/2013 đến 10/10/2017) và yêu cầu trả 01 lần. Khi nào ông T, bà Tr trả xong tiền cho ông Kh thì ông Kh sẽ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho ông T.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Đặng Thị Ph và luật sư Đinh Công A trình bày ý kiến tại phiên tòa: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu ông Phan Văn Kh, yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu Tr liên đới trả cho ông Kh số nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 10/3/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/01/2018 với số tiền lãi là 97.200.000 đồng và yêu cầu trả một lần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ông T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Kh, thừa nhận có vay của ông Kh số tiền gốc 100.000.000đồng, có làm biên nhận và ông có ký tên, ông T cho rằng ông vay tiền của ông Kh về để trả nợ đánh bài mà ông đã vay tiền của người khác, ông đã trả tiền lãi cho ông Kh 06 tháng tương

ứng số tiền 24.000.000 đồng. Lúc vay tiền, ông T có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 giấy đứng tên ông T và một giấy đứng tên em của ông T là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp Gò Châu Mai, xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 là do ông T giữ giùm ông T1. Ngoài ra, ông T cho rằng việc ông vay tiền của ông Kh vợ ông là bà Trương Thị Thu Tr không biết và ông sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân chứ không dùng cho việc chi tiêu trong gia đình. Đối với số tiền lãi ông T đã trả cho ông Kh thì ông T không yêu cầu xem xét lại.

Trước yêu cầu của ông Kh thì ông T đồng ý trả cho ông Kh tiền vay còn thiếu là 100.000.000đồng tiền gốc và 97.200.000 đồng tiền lãi. Về thời gian và phương thức trả thì ông T đề nghị mỗi vụ lúa ông sẽ trả cho ông Kh 30.000.000đồng cho đến khi hết số nợ gốc và lãi.

Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã thế chấp cho ông Kh thì ông không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị Thu Tr trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2017 như sau: Bà là vợ hợp pháp của ông T, việc ông T vay tiền của ông Kh bà không biết. Trước yêu cầu của ông Kh yêu cầu bà và ông T liên đới trả cho ông Kh số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi thì bà Tr không đồng ý vì bà không biết số tiền này. Bà Tr xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ph trình bày: Bà Ph là vợ của ông Kh, vợ chồng bà có đăng ký kết hôn, bà Ph thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Kh. Bà Ph cho rằng số tiền mà ông Kh cho ông T vay là tài sản chung giữa bà với ông Kh.

Bà Ph không đồng ý cho ông T trả dần mà yêu cầu trả một lần, đồng thời yêu cầu cả ông T và bà Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc và tiền lãi đã vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2017 như sau: Ông T1 là em ruột của ông T. Ông không biết việc ông T vay tiền của ông Kh cũng như việc ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để vay tiền của ông Kh. Ông T1 cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên mà ông T thế chấp để vay tiền của ông Kh là không còn giá trị vì đất ông đã chuyển quyền sử dụng sang cho ông T rồi và ông T cũng đang sử dụng đất. Nay ông không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ông T1 xin vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Trọng D trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2017 như sau:

Ông D không có quan hệ họ hàng gì với hai bên đương sự. Ông có quen biết với ông T. Ông D không nhớ chính xác thời gian nào, ông T có đến nhà ông D hỏi có biết chỗ nào cho vay tiền không thì ông D có giới thiệu ông T đến nhà

ông Kh. Khi ông T vay tiền thì vợ chồng ông Kh có nhờ ông D đến chứng kiến, ông D có chứng kiến việc ông Kh đưa cho ông T 100.000.000 đồng và ông T có đưa cho cho vợ chồng ông Kh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên có làm biên nhận và có ông D có ký tên vào biên nhận với tư cách người làm chứng. Ông D không biết ông T vay tiền về để làm gì. Sau này, ông có biết việc ông T có gửi trả tiền lãi cho ông Kh nhưng không rõ số tiền lãi là bao nhiêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Đinh Công A trình bày quan điểm tại phiên tòa: Ông T thừa nhận có vay tiền của ông Kh 100.000.000 đồng, ông T đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông Kh, khi vay tiền ông T có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T với bà Tr là vợ chồng hợp pháp, thời điểm ông T vay tiền của ông Kh là vợ chồng ông T có canh tác lúa nên mục đích ông T vay tiền về là để phục vụ cho kinh tế gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Kh buộc ông T và bà Tr có trách nhiệm liên đới trả cho ông Kh số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 97.200.000 đồng tiền lãi, tài sản thế chấp được đảm bảo thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án cơ bản đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng cho rằng: Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời điểm vay là ngày 09/9/2012, thống nhất số tiền lãi đã trả là 06 tháng với số tiền 24.000.000 đồng, thống nhất số tiền lãi bị đơn phải trả tiếp cho nguyên đơn là 97.200.000 đồng. Bị đơn không yêu cầu tính lại lãi suất nên không xem xét. Đối với yêu cầu của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị buộc ông T và bà Tr có trách nhiệm liên đới trả số nợ đã vay thì không có căn cứ để chấp nhận vì biên nhận nợ không có bà Tr ký tên, ông T cho rằng vay tiền để sử dụng riêng, bà Tr cho rằng không biết số nợ và cũng không đồng ý liên đới cùng ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông D là người làm chứng cũng không biết ông T vay tiền về sử dụng vào mục đích gì. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T có nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông Kh là phù hợp. Đối với yêu cầu tài sản thế chấp là hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đảm bảo thi hành án do các bên cũng không có tranh chấp nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phan Văn Kh tranh chấp với ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu Tr số tiền 100.000.000 đồng đã cho ông T vay và yêu cầu trả tiền lãi nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà Tr có nơi cư trú tại ấp CT, xã KH, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Trương Thị Thu Tr là bị đơn, ông Nguyễn Văn T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt; ông Nguyễn Trọng D là người làm chứng vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có lời khai và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Nguyên đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn và hợp đồng vay được xác lập vào ngày 09 tháng 9 năm 2012, thời hạn thanh toán hợp đồng theo thỏa thuận là đông xuân năm 2013. Ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là ngày 17/10/2017. Không có đương sự nào đề nghị áp dụng về thời hiệu nên không áp dụng về thời hiệu đối với vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1]Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thấy rằng:

[4.1.1]Ông Phan Văn Kh khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn T và bà Trương Thị Thu Tr phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/3/2013 đến ngày 19/01/2018 theo mức lãi suất 20%/năm, yêu cầu tài sản thế chấp là hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T và ông T1 đứng tên được đảm bảo thi hành án. Trước yêu cầu của ông Kh, ông T thừa nhận có vay tiền của ông Kh 100.000.000 đồng vào ngày 09/9/2012, hai bên có làm biên nhận và thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, khi vay tiền ông T có đưa cho ông Kh hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã trả cho ông Kh 06 tháng tiền lãi tương ứng là 24.000.000 đồng, phía ông Kh cũng thống nhất nội dung này nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã trả cho ông Kh nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông T đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của ông Kh tính lãi từ ngày 10/3/2013 đến ngày 19/01/2018 với mức lãi suất là 20%/năm với số tiền là 97.200.000 đồng. Thấy rằng yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4.1.2]Đối với yêu cầu của phía nguyên đơn buộc bà Trương Thị Thu Tr phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Văn T trả số tiền trên là không đủ căn cứ, bởi lẽ: Việc vay tiền chỉ có một mình ông T đi vay và một mình ông T ký tên vào biên nhận, ông T cho rằng ông vay tiền về để sử dụng cho mục đích cá nhân chứ không dùng để chi tiêu trong gia đình, bà Tr cho rằng không biết số tiền này và cũng không đồng ý cùng ông T trả nợ, ông D là người làm chứng chỉ chứng kiến việc ông T vay tiền của ông Kh chứ không biết mục đích

ông T vay tiền về để làm gì, ông Kh cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T vay tiền của ông để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình.

[4.1.3]Đối với yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tài sản thế chấp được đảm bảo thi hành án là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đưa cho ông Kh có một giấy do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên, ông T1 không biết gì về việc ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để vay tiền, đồng thời giữa ông T với ông Kh cũng không xác lập hợp đồng thế chấp đúng theo quy định của pháp luật nên việc thế chấp này là không đủ căn cứ để chấp nhận. Ông T cũng không có yêu cầu ông Kh trả lại cho ông hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này mà sẽ tự thương lượng với ông Kh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2]Đối với ý kiến của ông T xin được trả dần số tiền gốc và tiền lãi theo mùa vụ, mỗi vụ trả 30.000.000 đồng, đề nghị này không được phía nguyên đơn chấp nhận và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông Phan Văn Kh theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho ông Phan Văn Kh tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, điều 228, Điều 229 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 149, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Văn Kh về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thu Tr trả cho ông Kh số tiền vay là

197.200.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 97.200.000 đồng là tiền lãi.

Buộc ông Nguyễn Văn Tiên có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Khôi số tiền 197.200.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 97.200.000 đồng là tiền lãi.

2.Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.Về án phí:

3.1.Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 9.860.000 đồng (chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2.Hoàn lại cho ông Phan Văn Kh 4.796.000 đồng (bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004603 ngày 25/10/2017.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh